

Bản án số: 32/2022/HS-ST
Ngày 07 tháng 10 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Minh Tư; nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu; phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

2. Bà Triệu Thị Liên; nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu; phường Q, TP H, tỉnh Hà Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Phùng Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 07 tháng 10 năm 2022, tại phòng xét xử án Hình sự Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 24/2022/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 9 năm 2022; QĐ hoãn phiên tòa số 01/QĐ- HSST ngày 16/9/2022, đối với các bị cáo:

1. LÊ VĂN C ; sinh ngày 29 tháng 11 năm 1991, tại Hà Giang; đăng ký HKTT: Thôn Nà T, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S và bà Trịnh Thị K; vợ: Nguyễn Thị N; con: có 01 sinh năm 2014; tiền án: Tại bản án số 33/2018/HSPT ngày 20/11/2018 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 18 tháng tù về tội Vận chuyển hàng cấm (chưa được xóa án tích); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 01/6/2007 bị Công an huyện V, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền 100.000đ; ngày 30/11/2007 Công an huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Vi phạm quy chế về khu vực biên giới, bằng hình thức phạt tiền 100.000đ; Ngày 04/10/2017 Công an huyện V, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc, bằng hình thức phạt tiền

1.500.000đ (đều đã chấp hành xong); bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2022, hiện đang bị tạm giam tại nhà Tạm giữ Công an thành phố H, có mặt.

2. MUA MÍ P; Tên gọi khác: Không; sinh ngày 01 tháng 01 năm 1990 tại: tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện V, Hà Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; con ông: Mua Chè S (*Đã chết*); con bà: Vàng Thị M; vợ: Vàng Thị M; con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 06/02/2020 thực hiện hành vi Vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới; ngày 02/10/2020, Chủ tịch UBND huyện V ra Quyết định xử phạt hành chính số 951/QĐ-XPHC bằng hình thức phạt tiền 4.000.000 đồng (chưa chấp hành); bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

3. LÝ XUÂN TH; tên gọi khác: Không; sinh ngày 26 tháng 7 năm 1997 tại tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: thôn Nậm T, xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; con ông: Lý Văn N; con bà: Chu Thị H; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 01/11/2018, Công an huyện V ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Xâm hại sức khoẻ người khác, phạt tiền 2.500.000 đồng (Chưa chấp hành); nhân thân: Ngày 08/5/2019, Toà án huyện V, Hà Giang xử phạt 12 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản, ngày 04/01/2020 chấp hành xong hình phạt tù (đã xóa án tích); bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/5/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

4. LÝ VĂN T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 01 tháng 6 năm 2001 tại: Huyện V, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hán; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; con ông: Lý Sùi S; con bà: Nông Thị X; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ, tạm giam ngày 18/01/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

5. CHÂU THẾ T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 20 tháng 11 năm 2003 tại: Tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: thôn B, xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; con ông Châu Văn C; con bà Nông Thị ; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12/4/2021, Toà án huyện V, Hà Giang tuyên bố Châu Thế T phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, hình phạt: Cải tạo không giam giữ 18 tháng, (chưa chấp hành xong), khi thực hiện hành vi Toại chưa đủ 18 tuổi do đó không bị tính là có án tích; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

6. KHUẤT LÊ H; tên gọi khác: Không; sinh ngày 26 tháng 8 năm 1981, tại: tỉnh Hà Giang; ĐKKH thường trú: Tổ 9, TT. V, huyện V, Hà Giang; nơi cư trú: Tổ 2, TT. V, huyện V, Hà Giang; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Khuất Văn H; con bà Lê Thị H; vợ: Hoàng Kim A; con: Có ba con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 06/2/2018, bị Tòa án huyện V, Hà Giang xử phạt 12 tháng tù về tội Tàng trữ hàng cấm, ngày 15/01/2019 chấp hành xong hình phạt tù (đã được xóa án tích); bị cáo bị tạm giam theo lệnh Bắt tạm giam từ ngày 13/6/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

7. VŨ XUÂN H; tên gọi khác: Không; sinh ngày 04 tháng 7 năm 1989 tại: Tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Tổ 13, TT. V, huyện V, Hà Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; con ông Vũ Văn H; con bà Lã Thị T; vợ: Mai Hồng Q (đã ly hôn); con gái: có một con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/4/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

8. LÃ VĂN H; tên gọi khác: Không; sinh ngày 09 tháng 03 năm 1991 tại: Tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện V, Hà Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; con ông Lã Đức T; con bà Nguyễn Thị T; vợ: Hoàng Thị Bích N (đã ly hôn); con: Có hai con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 01/11/2010 Công an huyện V, Hà Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh nhau, mức phạt tiền 250.000 đồng (Đã chấp hành xong); ngày 26/7/2011 Công an huyện Vị Xuyên, Hà Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, về hành vi Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, mức phạt tiền 1.000.000 đồng (đã chấp hành xong). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/4/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

9. CHÂU THANH T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 15 tháng 8 năm 2005, tại: tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: thôn B, xã N, huyện V, Hà Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; con ông Châu Văn C; con bà Nông Thị H; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/4/2022 tại xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang, có mặt.

*** Những người tham gia tố tụng:**

- Người bào chữa cho bị cáo Mua Mí P: Bà Vương Thị Minh Huệ - Trợ giúp viên pháp lý; Trung tâm Trợ giúp pháp lý, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lý Xuân Th: Ông Nguyễn Xuân Giang - Trợ

giúp viên pháp lý; Trung tâm Trợ giúp pháp lý, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Châu Thanh T: Bà Nguyễn Thị Hiền - Trợ giúp viên pháp lý; Trung tâm Trợ giúp pháp lý, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Đại diện theo pháp luật của bị cáo Châu Thanh T: Ông Châu Văn C; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang (là bố đẻ của bị cáo), có mặt.

- Đại diện Đoàn Thanh niên xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang: Ông Nông Quốc C - Phó Bí thư đoàn, có mặt.

*** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Đỗ Văn H; sinh năm 1992; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

2. Nguyễn Trung T; sinh năm 1998; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Tổ 16, phường N, TP. H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

3. Phạm Hồng G; sinh năm 1989; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Tổ 06, phường N, TP. H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

4. Tô Thị L; sinh năm 1994; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Thôn Bản L, xã Kim L, huyện V, tỉnh Hà Giang, có mặt.

5. Trịnh Thị Kh; sinh năm 1967; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Thôn Nà T, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang, có mặt.

6. Vàng Thị G; sinh năm 1990; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

7. Nguyễn Thị N; sinh năm 1994; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Thôn Nà T, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

8. Đặng Văn H; sinh năm 1986; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

9. Kiều Thị O; sinh năm 1993; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Tổ 01, phường Nguyễn T, TP. H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

10. Nông Thị X; sinh năm 1978; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang, có mặt.

11. Đặng Văn T; sinh năm 1989; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Thôn Làng M, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang, có mặt.

12. Tần Thị C; sinh năm 1994; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Thôn Đ, TT Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

13. Ngô Thị H; sinh năm 1991; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Tổ 06, phường N, TP. H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

14. Nguyễn Quyết T; sinh năm 1996; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Tổ 17, phường N, TP. H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

15. Pảo Văn D; sinh năm 1993; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Xã N,

huyện V, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

16. Mai Văn Q; sinh năm 1976; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Tổ 04, phường M, TP. H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

17. Vàng Thị M; sinh năm 1982, nghề nghiệp: lao động tự do; địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang, có mặt.

18. Triệu Thị P; sinh năm 1979; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Tổ 04, phường M, TP. H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 12/2021, do có mục đích kiếm lời nên bị cáo Lê Văn C đã liên hệ mua 06 thùng pháo nổ của bị cáo Mua Mí P với giá là 7.000.000 đ/ 1 thùng, C đã thanh toán trước cho P số tiền 18.000.000 đồng và hứa hẹn số tiền còn lại khi bán xong pháo C sẽ thanh toán hết, P đồng ý. Sau khi P mua được pháo từ bên Trung Quốc, P đã thông báo cho C biết và thỏa thuận về thời gian địa điểm giao nhận pháo. Ngày 15/01/2022, C thuê bị cáo Vũ Xuân H đi vận chuyển số pháo nổ nêu trên, H đồng ý và rủ bị cáo Lã Văn H cùng đi vận chuyển pháo, H đồng ý, H đã chủ động mượn 01 thuyền gỗ chạy bằng động cơ máy nổ của Đặng Văn H (là bạn của H) để làm phương tiện vận chuyển pháo. Khoảng 00 giờ ngày 16/01/2022, các bị cáo C, H, H cùng nhau đi thuyền do H trực tiếp điều khiển đến Km19 thuộc thôn Giang N, xã T, huyện V để nhận tổng số 06 thùng pháo do trực tiếp giao, nguồn gốc pháo trên do P mua của một người đàn ông Trung Quốc tên V (không xác định được nhân thân lai lịch) tại khu vực biên giới giữa mốc 264-265 Việt Nam-Trung Quốc (thuộc lãnh thổ Trung Quốc) với giá 1.000 nhân dân tệ/1 thùng (tương đương 3.500.000 đồng/1 thùng), ngày 22/01/2022, Páo đã trả tiền mua 06 thùng pháo cho V số tiền 21.000.000 đồng (hai mươi một triệu đồng). Sau khi nhận pháo C và H cùng nhau vận chuyển 06 thùng pháo lên thuyền, sau đó C bảo H điều khiển thuyền đi theo hướng về thành phố H. Đến khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, tại Km6, xã Đ, huyện V, C bán 01 thùng pháo cho một người đàn ông (không xác định được nhân thân lai lịch) với giá 13.000.000 đồng và thỏa thuận sẽ thanh toán sau, C đồng ý, khi giao xong C tiếp tục bảo H điều khiển thuyền đến Km13, xã Đ, huyện V để bán pháo cho bị cáo Lý Xuân Th, người trực tiếp nhận pháo là Lý Văn T và Châu Thế T.

Sau khi giao pháo tại Km13, xã Đ, bị cáo C tiếp tục bảo H điều khiển thuyền cùng H quay lên khu vực Km0 thành phố H, khoảng 05 giờ cùng ngày bị cáo C một mình bê 13 hộp pháo lên bờ sông còn H và H đi về nhà. Bị cáo C cất giấu 04 hộp pháo tại chân bờ kè sông Lô, còn 09 hộp pháo bán cho một người đàn ông tên T (không xác định được nhân thân lai lịch) T yêu cầu C mang pháo đến khu vực Bệnh viện đa khoa Đ, thành phố H để giao pháo và thanh toán tiền, C đồng ý, trên đường

vận chuyển pháo đến khu vực tổ 9, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang thì C bị lực lượng Công an thành phố H bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật.

Vào khoảng tháng 01/2022, sau khi bị cáo T trao đổi với bị cáo Khuất Lê H, được H giới thiệu về người mua pháo nhưng người mua không trực tiếp thỏa thuận với Th mà thông qua H để trao đổi, thống nhất về thời gian, địa điểm giao nhận pháo. Bị cáo Th đã chủ động liên hệ mua 04 thùng pháo nổ của bị cáo C, chưa thỏa thuận giá cụ thể và hẹn khi bán được pháo sẽ thanh toán sau, bị cáo C đồng ý. Ngày 15/01/2022, Th liên hệ với bị cáo Lý Văn T bảo T đi nhận pháo tại khu vực Km13, xã Đ, huyện V về cất giấu, T đồng ý tham gia vận chuyển, cất giấu pháo để phục vụ hành vi buôn bán pháo nổ của bị cáo Th và rủ bị cáo Châu Thế T cùng đi vận chuyển pháo với mục đích buôn bán pháo, T đồng ý. Bị cáo Châu Thanh T nghe thấy bị cáo T rủ bị cáo T đi vận chuyển pháo nên xin đi cùng, T và Toại đồng ý.

Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 16/01/2022, bị cáo T cùng T, T nhận 04 thùng pháo và 05 hộp pháo do bị cáo C giao tại Km 13, xã Đ, huyện V và vận chuyển về nhà T cất giấu. Theo sự chỉ đạo của Th, Khoảng 17 giờ ngày 17/01/2022, T đi bán 05 hộp pháo (lẻ) cho 01 người đàn ông không quen biết (*chưa xác định được nhân thân lai lịch*) tại thôn L, xã Ngọc L, huyện V nhận số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) và đem tiền về đưa cho Th, số tiền trên Th đã một mình chi tiêu cá nhân hết. Tối ngày 17/01/2022, T đã vớt 01 thùng pháo bị hỏng xuống suối Nậm Dầu và không thông báo cho Th biết. Khoảng 19 giờ ngày 18/01/2022, Th bảo T cùng T đến quán ăn C4 của H tại tổ 2, thị trấn V, huyện V để H chỉ dẫn khách mua pháo. Sau đó T và T cùng nhau dẫn khách là hai người đàn ông không quen biết (*không xác định được nhân thân lai lịch*) đến khu vực cầu chùa N, thuộc thôn N xã N, huyện V nơi T đã tự cất giấu 03 thùng pháo từ trước, T giúp T chống chèo xung quanh để T giao dịch bán pháo. Xem pháo xong người đàn ông đồng ý mua 03 thùng pháo, T thỏa thuận giá pháo theo sự chỉ đạo của Thái là 44.800.000 đồng (*bốn mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng*)/ 03 thùng, người đàn ông đồng ý và nói tiền sẽ chuyển khoản, khi đó Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hà Giang phát hiện bắt quả tang Thủy và T cùng toàn bộ tang vật 03 thùng pháo, hai người đàn ông là khách mua pháo đã tẩu thoát.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận:

1. Bị cáo Lê Văn C khai: Khoảng cuối tháng 12/2021, bị cáo sử dụng điện thoại Iphone 7 plus lắp sim số thuê bao 0337921770 gọi điện và nhắn tin qua ứng dụng zalo đến số thuê bao 0368323408 (*hiện đã bị mất*) của Mua Mí P đặt vấn đề tìm mua pháo nổ của Trung Quốc với mục đích bán kiếm lời, P đồng ý và hẹn khi nào tìm mua được sẽ thông báo lại. Ngày 15/01/2022, P thông báo với bị cáo tối ngày 15/01/2022 sẽ giao 06 thùng pháo, địa điểm giao pháo tại bờ sông gần cầu treo thôn G, xã T, huyện V. Sau đó, bị cáo gọi điện cho Th và H (người đã hỏi mua pháo từ trước) để thông báo đêm ngày 15/01/2022 sẽ giao pháo bằng thuyền di chuyển trên sông Lô, Th nhắn tin lại là sẽ nhận pháo trước và trả tiền sau. Khoảng 15 giờ cùng ngày, bị cáo gọi điện thoại cho Vũ Xuân H (*là bạn của bị cáo*) nhờ H đi

chờ cho bị cáo ít hàng bằng đường sông nhưng chưa có thuyền và hứa sẽ trả tiền công, tiền xăng dầu cho H, H đồng ý. Khoảng 17 giờ, H và H (bạn của H) đi xe máy đến nhà bị cáo ăn cơm và ở đây chờ để đi vận chuyển pháo. Trong thời gian này bị cáo đã nói với H và H về việc đi chở pháo cho bị cáo, H và H đồng ý.

Khoảng 23 giờ ngày 15/01/2022, Páo gọi điện cho bị cáo thông báo chuẩn bị đi chuyển pháo. Bị cáo cầm theo 01 chiếc chăn và cùng H, H đi xe mô tô từ nhà bị cáo đến khu vực Km18 đường Hà Giang - Thanh Thủy, bị cáo xuống xe đi xuống bờ sông chờ thuyền. H và H điều khiển đến Km18 đón bị cáo lên thuyền, bị cáo bảo H điều khiển thuyền đến khu vực Km19 phía bờ sông thuộc thôn Giang Nam, xã T, huyện V. Bị cáo và H đi lên bờ sông gặp P nhận 06 thùng pháo, vận chuyển và sắp xếp lên thuyền, khi nhận pháo bị cáo không kiểm tra bên trong, lấy chiếc chăn phủ lên 06 thùng pháo và ngồi ở giữa thuyền, H ngồi ở đầu thuyền cầm 01 chiếc đèn pin do H mang đi để soi đường, H là người điều khiển thuyền, bị cáo bảo H điều khiển thuyền đến xã Đ, huyện V. Khoảng 00 giờ ngày 16/01/2022, bị cáo gọi điện cho Th nói: *“Hàng chuẩn bị xuống em nhé”*, Th nói *“Anh cứ xuống đi em khác cho người ra đón, em gửi số anh cho nó, nó khác gọi cho anh”*. Sau đó thấy có người của Th gọi điện thoại đến số của bị cáo để xác nhận địa điểm nhận pháo tại bờ sông thuộc Km13. Trên đường đi bị cáo gọi điện thoại cho người tên H (người mua pháo) để thống nhất địa điểm giao pháo. Khoảng 02 giờ 30 phút, thuyền đến khu vực Km6 thuộc xã Đ, huyện V, bị cáo thấy trên bờ sông có tín hiệu đèn nháy sáng, bị cáo sử dụng đèn pin của điện thoại Iphone 7 Plus ra tín hiệu đáp lại và bảo H điều khiển thuyền về phía bờ sông nơi có tín hiệu đèn. Khi thuyền vào bờ, bị cáo ôm 01 thùng pháo đi lên bờ, thấy có 01 người đàn ông (*chưa xác định được nhân thân, lai lịch*) do H giới thiệu và giao 01 thùng pháo cho người này, người đàn ông hẹn thanh toán tiền sau. Giao pháo xong, bị cáo quay lại thuyền, H điều khiển thuyền đi tiếp về hướng huyện V. Khoảng 03 giờ 30 phút, thuyền đến Km13, bị cáo sử dụng đèn pin điện thoại Iphone 7 Plus ra tín hiệu, nhận được tín hiệu của T, bị cáo bảo H điều khiển thuyền vào bờ sông, bị cáo mở 01 thùng pháo lấy 05 hộp pháo (lẻ) cho vào 01 chiếc túi nilon sau đó cùng H chuyển 04 thùng pháo và 05 hộp pháo giao cho T. Giao pháo xong, bị cáo gọi điện thoại thông báo với Th về việc đã giao pháo, bị cáo bảo H điều khiển thuyền quay về thành phố H. Trên đường về, bị cáo gọi điện thoại cho H, H nói có 01 người đàn ông tên là T đến nhận 09 hộp pháo, T sử dụng số thuê bao 0389857730 gọi điện thoại cho bị cáo và thống nhất nhận pháo ở khu vực Km0. Khoảng 05 giờ, thuyền đến khu vực Km0, bị cáo nói với H cho thuyền vào bờ, bị cáo bê 01 thùng pháo bên trong còn 13 hộp pháo một mình đi lên bờ sông. Trên đường đi, bị cáo cất giấu 04 hộp pháo tại chân bờ kè sông Lô, còn lại 09 hộp pháo bị cáo cầm đến gặp T tại cột mốc Km0, T bảo bị cáo mang pháo đến khu vực bệnh viện đa khoa Đức Minh để giao pháo và thanh toán tiền. Sau đó, T mượn điện thoại của bị cáo gọi điện cho xe taxi Mai Linh đến chờ bị cáo đi, T điều khiển xe mô tô (*không xác định được nhãn hiệu, biển số*) đi trước. Khi xe ô tô taxi đi đến khu vực tổ 9 phường N, bị cáo bị lực lượng Công an thành phố H bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

2. Bị cáo Mua Mí P khai: Bị cáo Páo xác nhận việc bị cáo C hỏi mua pháo là đúng. Khi thấy C có nhu cầu mua pháo thì bị cáo đã liên hệ với người đàn ông người Trung Quốc tên là V (*không biết địa chỉ của V*) để hỏi mua pháo nỏ, bị cáo liên lạc qua zalo với V để đặt mua 06 thùng pháo hoa nỏ, mỗi thùng có 18 hộp pháo loại 36 quả với giá là 1000 nhân dân tệ/1 thùng, tương ứng với giá là 3.500.000đ tiền Việt Nam/ 1 thùng. Sau đó, bị cáo thông báo với C giá bán 01 thùng pháo là 7.000.000đ tiền Việt Nam/ 1 thùng, C đồng ý mua. Đến ngày 14/01/2022, V liên lạc với bị cáo hẹn tối ngày 14/01/2022 sẽ giao pháo tại khu vực biên giới giữa mốc 264 và 265. Khoảng 08 giờ bị cáo gọi điện báo với C để chuyển tiền mua pháo, C nói đưa trước 18.000.000đ, số tiền còn lại sẽ thanh toán sau khi bán được pháo. Khoảng 11 giờ ngày 14/01/2022, bị cáo nhận được số tiền 18.000.000 đồng của C trả (do người khác chuyển khoản hộ) vào tài khoản tại Agribank số 8213205018900 của bị cáo. Khoảng 14 giờ C đưa cho bị cáo 06 chiếc túi nilon màu trắng, 02 cuộn băng dính với mục đích dùng bọc các thùng pháo tránh bị ngâm nước. Bị cáo đưa 23.000.000 đồng (*là tiền cá nhân của bị cáo*) cho C để C đưa số tiền này cho N để chuyển vào tài khoản của bị cáo. Ngay sau khi nhận được thông báo tiền vào tài khoản, bị cáo chuyển số tiền 38.000.000 đồng đến tài khoản Agribank số 8202205045342 của Vàng Thị G (*là bạn của bị cáo*) với mục đích nhờ G quy đổi thành tiền nhân dân tệ để trả nợ cho 01 người bạn quốc tịch Trung Quốc (*chưa xác định được nhân thân, lai lịch*).

Khoảng 20 giờ ngày 14/01/2022, V gọi điện báo đã để 06 thùng pháo tại khu vực biên giới, khoảng 01 giờ ngày 15/01/2022, bị cáo đi xe máy của bị cáo theo đường dân sinh đến biên giới Việt Nam – Trung Quốc, khu vực giữa mốc 264 và 265. Tại đây có 01 hàng rào bằng gỗ, không có lực lượng chức năng canh gác, bị cáo mở cửa gỗ (*không có khóa*) đi sang lãnh thổ Trung Quốc và đi bộ theo đường dân sinh khoảng 60m thấy có 06 thùng pháo nỏ ở ven đường. Bị cáo không mở 06 thùng pháo kiểm tra mà lồng các thùng pháo vào trong túi nilon màu trắng, dán băng dính xung quanh và vác các thùng pháo qua hàng rào sang lãnh thổ Việt Nam, sau đó bị cáo vận chuyển 06 thùng pháo về giấu vào bụi cỏ khu vực gần nhà. Đến ngày 15/01/2022, bị cáo báo với C tối ngày 15/01/2022 sẽ giao 06 thùng pháo và cùng thống nhất địa điểm giao pháo tại bờ sông gần cầu treo thôn G, xã T, huyện V. Đến đêm 15/01/2022 C cùng hai người đàn ông đã đi thuyền đến địa điểm nhận đủ 06 thùng pháo nêu trên.

3. Bị cáo Lý Xuân Th khai: Khoảng đầu tháng 01/2022, bị cáo đến quán ăn C4 của Khuất Lê H tại tổ 2, thị trấn V, huyện V và trao đổi với nhau về việc mua bán pháo nỏ. Sau đó bị cáo gọi điện thoại đến số thuê bao 0337921770 cho bị cáo C hỏi mua pháo, C trả lời sẽ tìm và báo lại sau. Sau đó, C gọi điện cho bị cáo nói đã có pháo, bị cáo nhắn tin cho C báo lấy 05 thùng pháo nhưng C bảo chỉ được 04 thùng pháo, bị cáo đồng ý mua 04 thùng pháo của C. Bị cáo mua pháo mục đích về bán, việc bán pháo cho người mua thông qua việc giới thiệu của H. Ngày 15/01/2022, C gọi điện cho bị cáo để thông báo đêm ngày 15/01/2022 sẽ giao pháo bằng thuyền di chuyển trên sông Lô nên bị cáo gọi điện thoại cho H nói: “*Tối nay có hàng nó*

xuống anh ra nhận hàng nhé”, H trả lời “Để anh gọi cho nó”. Sau đó H báo lại với bị cáo là người mua bạn không xuống được. Bị cáo với H “Hàng xuống rồi không nhận thì không được”, H nói: “Bây giờ anh biết làm thế nào, khách của anh không xuống thì biết làm thế nào”. Bị cáo gọi điện lại cho C nói “Hôm nay hàng không xuống có được không vì khách ở đây nó không nhận được”, C nhắn tin cho bị cáo nói “Má không phải lúc nào a cũng có thuyền xuống đâu đấy”, bị cáo nhắn tin lại nội dung bị cáo sẽ nhận pháo nhưng trả tiền mua pháo cho C sau. Lúc này bị cáo đang bị cách ly y tế (do mắc Covid 19) tại hội trường thôn N, xã N, huyện V, nên không thể đi nhận pháo. Khoảng 19 giờ, bị cáo gọi điện thoại của Lý Văn T và nói “Tối nay nhận hộ anh 04 thùng pháo trên khu Đ, anh cho em 3.500.000đ, khoảng 12 giờ đến 01 giờ đêm thì đi”, bị cáo thỏa thuận khi nào bán được pháo mới có tiền trả cho T, T đồng ý. Khoảng 21 giờ, bị cáo gọi điện cho H nói “Anh cho em vay mấy triệu”, H trả lời “Không có tiền đâu”, bị cáo nói “Anh chuyển cho em vay 1.000.000 đồng cũng được, để cho bọn nó đi làm”, H đồng ý, bị cáo bảo H gửi nhờ vào tài khoản của Pảo Văn D (là người cùng khu cách ly y tế với bị cáo). Khoảng 21 giờ 30 phút, H chuyển số tiền là 1.000.000 đồng vào tài khoản của D, D đã đưa tiền cho bị cáo chi tiêu cá nhân hết. Sáng ngày 17/01/2022, bị cáo gọi điện cho một người đàn ông mới quen (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để thỏa thuận mua bán pháo và thống nhất bán 05 hộp pháo với giá 1.000.000 đồng/hộp. Khoảng 17 giờ, bị cáo gọi điện thoại cho T bảo đem 05 hộp pháo cho người quen km 21 và lấy hộ bị cáo 5.000.00. Sau đó T mang 5.000.000 đồng tiền bán pháo đến khu vực cách ly đưa cho bị cáo, số tiền này bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Trưa ngày 18/01/2022, H gọi điện cho bị cáo nói tối có người xuống lấy pháo. Bị cáo gọi điện cho T bảo chờ hết pháo ra cất ở cầu chùa Nậm Dầu đợi đến khoảng 19 giờ ra quán ăn đêm C4 gặp anh H để đón khách, T có báo với bị cáo là còn 03 thùng pháo. Sau đó, việc mang pháo đi bán cho khách do H giới thiệu là do T trực tiếp đưa đi và bị bắt quả tang khi đang giao pháo.

4. Bị cáo Lý Văn T khai: Khoảng 19 giờ ngày 15/01/2022, bị cáo T gọi điện thoại cho bị cáo nói “Tối nay nhận hộ anh 04 thùng pháo trên khu Đạo Đức, anh cho em 3.500.000đ, khoảng 12 giờ đến 01 giờ đêm thì đi”, Th bảo khi nào bán được pháo mới có tiền trả cho bị cáo, bị cáo đồng ý. Khoảng 21 giờ, bị cáo đi xe máy (xe của bà Nông Thị X, là mẹ đẻ) từ nhà đến phòng trọ của T (là cháu của bị cáo). Khi đến nơi gặp T và T (em trai của Toại), Bị cáo nói với T lát nữa lên cây 13 Đ chờ hộ cậu mấy thùng hàng về, T hỏi là hàng gì, bị cáo trả lời: “Tí nữa nói”, Tùng ngồi đấy nghe thấy và nói với T “Cho đi với”, T nói “Đi thì đi”. Khoảng 01 giờ ngày 16/01/2022, bị cáo nói với T và T “Đến giờ rồi lên cây 13 vận chuyển pháo”, T và T, bị cáo điều khiển mỗi người điều khiển một xe máy đến khu vực bờ sông Lô tại Km13, thuộc thôn B, xã Đ, huyện V chờ nhận pháo. Lúc này bị cáo nói với T sau khi chở về đến nhà cậu nhận được tiền thì sẽ cho 500.000 đồng. Khoảng 03 giờ 30 phút, khi thấy có tín hiệu đèn pin, bị cáo cũng sử dụng đèn pin điện thoại Redmi ra tín hiệu đáp lại. Khi thuyền chở pháo vào bờ sông thì C đã giao cho bị cáo 05 hộp pháo cho vào 01 chiếc túi nilon và 04 thùng pháo. Nhận pháo xong, bị

cáo cùng T, T chở toàn bộ số pháo nêu trên về cất giấu ở nhà của bị cáo. Bị cáo gọi điện nói với Th biết hàng đã về đến nhà đủ, Th nói “Ok, nghỉ ngơi đi khi nào khách nhận thì anh khác bảo”. Sáng ngày 17/01/2022, Thái gọi điện thoại bảo bị cáo đem 05 hộp pháo đến cây 21 giao cho khách và lấy hộ Th 5.000.000, bị cáo đồng ý và lấy 05 hộp pháo cho vào túi nilon màu đen và điều khiển xe mô tô vận chuyển pháo đến cầu Km21 giao pháo cho 01 người đàn ông không quen biết và cầm 5.000.000 đồng tiền bán pháo đến khu vực cách ly đưa cho Th rồi quay về nhà. Bị cáo kiểm tra lại 04 thùng pháo thì phát hiện có 01 thùng pháo bị rách túi nilon, các hộp pháo bị ngâm nước bị hỏng, nên bị cáo mang thùng pháo bị hỏng đến giữa cầu N và vứt xuống suối N rồi đi về nhà.

Khoảng 19 giờ ngày 18/01/2022, Th gọi điện cho bị cáo nói “*Ra quán C4 gặp anh H để đón khách đi, khách đến rồi, khách đưa tiền thì mới giao pháo cho khách, nếu khách đưa tiền mặt thì cầm hộ anh 44.800.000 đồng*”. Bị cáo đồng ý và bảo T cùng đi đón khách mua pháo. Bị cáo và T mỗi người đi một xe máy đến quán ăn C4 của Hiếu tại tổ 2, thị trấn V. Bị cáo nói với H “*Anh Th bảo tôi ra đón khách*”, H chỉ vào xe ô tô bán tải màu trắng đỗ ngoài đường, bị cáo hiểu ý, và điều khiển xe đến gần xe ô tô bán tải, người lái xe mở cửa kính thò đầu ra ngoài vẫy bị cáo, bị cáo đi lên phía trước xe ô tô. Bị cáo và Toại đi trước dẫn đường cho xe ô tô đến khu vực sân chùa N thì dừng lại, 01 người đàn ông đội mũ len, đeo khẩu trang ngồi ghế phụ bên lái mở cửa xuống xe nói chuyện với bị cáo. Bị cáo nói “*Anh Th bảo tôi lấy tiền trước mới cho xem hàng*”, người đàn ông nói “*Phải cho xem hàng trước thì mới đưa tiền*”, bị cáo gọi cho Th nói “*Khách bảo cho xem hàng trước thì mới đưa tiền*”, Th nói “*Vào trong đây chỉ chỗ cho khách tự xuống xem*”. Bị cáo bảo T đứng ở sân chùa để trông chừng xung quanh, còn bị cáo điều khiển xe mô tô đi đến cầu N, người đàn ông điều khiển chiếc xe ô tô đi theo, người đàn ông đội mũ len thì đi bộ. Đến đầu cầu thuộc thôn N, xã N, bị cáo dừng xe, người đàn ông trên xe ô tô quay đầu xe và đỗ ở trên cầu, bị cáo dẫn người đàn ông đi bộ xuống chân cầu và chỉ pháo cất giấu trong bụi cỏ, người đàn ông yêu cầu bị cáo dẫn xuống xem, bị cáo lại gọi điện cho Th nói “*Khách yêu cầu đưa xuống xem*”, Thái trả lời “*Cứ đưa xuống đi*”. Bị cáo dẫn người đàn ông đến nơi cất giấu xem pháo. Khoảng 19 giờ 30 phút, Th gọi điện cho bị cáo hỏi “*Thế nào rồi em*”, bị cáo nói “*Khách đang xem hàng rồi*”. Kiểm tra pháo xong người đàn ông đồng ý mua 03 thùng pháo với giá 44.800.000 đồng và nói sẽ thanh toán bằng hình thức chuyển khoản. Ngay lúc đó Công an tỉnh Hà Giang đến bắt quả tang bị cáo và T cùng toàn bộ tang vật, còn hai người đàn ông mua pháo lên xe ô tô bỏ chạy.

5. Bị cáo Châu Thế T khai: Bị cáo xác nhận lời khai của bị cáo T là đúng. Bị cáo T rủ bị cáo đi chờ hàng và hứa sẽ trả tiền cho bị cáo 500.000đ, khi đó có T ngồi ở đó và xin đi cùng nên bị cáo đồng ý. Đêm ngày 15/6/2022 khi Thủy bảo đi lên km 13 xã Đ chờ hàng bị cáo và T đã cùng đi với T, đến nơi T có nói cho bị cáo biết là chở pháo về bán. Bị cáo đồng ý và đã cùng T, T nhận pháo chở về để ở nhà T. Đêm tối 18/01/2022 khi T bảo bị cáo đi giao pháo cho người mua ở thôn N, bị

cáo đồng ý cùng T đi đến quán của H để đón khách mua pháo dẫn xuống chỗ cất giấu pháo để bán cho khách thì bị Công an bắt quả tang.

6. Bị cáo Khuất Lê H khai: Bị cáo H xác nhận lời khai của bị cáo Th là đúng. Khoảng đầu tháng 01/2022, Th đến quán ăn của bị cáo và hai người có trao đổi với nhau về việc mua bán pháo nổ. Sau đó, có người đàn ông tên Giang (*chưa xác định được nhân thân, lai lịch*) liên lạc đến số thuê bao 0398848181 của bị cáo hỏi có biết ai bán pháo không?, bị cáo nói “Có”. Sau đó bị cáo gọi cho Th và nói có người lấy pháo đây, Th bảo anh hỏi nó xem nó lấy như thế nào. Bị cáo gọi điện thoại cho G hỏi lấy bao nhiêu pháo, G nói em lấy nhiều, có bao nhiêu lấy bấy nhiêu. Ngày 15/01/2022 Th gọi điện thoại cho bị cáo nói tôi sẽ có pháo xuống, bị cáo gọi cho G báo là đã có pháo, nhưng G nói chưa nhận được nên bị cáo báo lại với Th là người mua bạn không xuống được. Th có bảo hàng xuống rồi không nhận thì không được, bị cáo bảo với Th khách của anh không xuống thì biết làm thế nào. Đến trưa ngày 18/01/2022, G gọi điện thoại cho bị cáo nói tôi G xuống lấy hàng, bị cáo báo cho Th về việc tôi G xuống lấy hàng, Th nói tôi sẽ cho người ra đón. Khoảng 19 giờ, G gọi điện cho bị cáo và nói đã xuống đến Công an huyện, đến gần nhà bị cáo G sẽ đi từ từ và nháy đèn xe ô tô bán tải. Bị cáo gọi điện cho Th nói “*Bảo giao hàng được chưa em*”, Th nói “*Tí nữa thằng cò Thủy nó ra chỗ anh, nó tự nói chuyện với anh, sau đó lấy hàng như thế nào anh với nó tự bảo nhau*”. Khi bị cáo thấy 01 xe bán tải màu trắng không biết biển số, đi từ từ qua quán và nháy đèn nên bị cáo đoán là xe của G, bị cáo không lại gần xe nên không biết có những ai trong xe. Lúc này T và T đi đến, Th nói với bị cáo T ra đón khách, bị cáo nhận ra T là người thường đi cùng Th đến quán ăn của bị cáo nên biết là người do Th cử đến, bị cáo chỉ vào xe ô tô bán tải màu trắng đỗ ngoài đường. Sau đó T và T đi trước dẫn đường cho xe ô tô bán tải kia đi nhận pháo, còn bị cáo ở nhà không biết việc giao nhận pháo giữa Th với G như thế nào.

7. Bị cáo Vũ Xuân H khai: Khoảng 15 giờ ngày 15/01/2022, Cường gọi điện thoại cho bị cáo nhờ đi chở cho C ít hàng bằng đường sông nhưng chưa có thuyền, C hứa sẽ trả tiền công, tiền xăng dầu, bị cáo đồng ý. Lúc này, bị cáo và Lã Văn H đang đi đánh cá ở sông, bị cáo rủ H cùng đi chở một chuyến hàng là 3.000.000 đồng về hai anh em chia nhau, H đồng ý. Khoảng 16 giờ, bị cáo gọi điện thoại cho Đặng Văn H (*là bạn của bị cáo*) hỏi mượn thuyền, H đồng ý cho mượn. Khoảng 17 giờ, bị cáo và H điều khiển xe mô tô của bị cáo (*không xác định được nhãn hiệu, đặc điểm xe mô tô*) từ thị trấn V đến nhà C ăn cơm và ở đây chờ để đi vận chuyển pháo. Trong thời gian này C nói với bị cáo và H về việc đi chở pháo cho C, bị cáo và H đồng ý. Khoảng 23 giờ ngày 15/01/2022, Cường và bị cáo, H đi xe mô tô từ nhà C đến khu vực Km18, bị cáo và H điều khiển xe mô tô đến khu vực bờ sông Lô Km17 và lên thuyền gỗ lắp động cơ máy nổ của Đặng Văn H. Bị cáo điều khiển thuyền theo sông Lô đến khu vực Km18 đón Clên thuyền, đi đến khu vực Km19 phía bờ sông thuộc thôn G, xã T, huyện V. C và H đi lên bờ vận chuyển pháo và xếp lên thuyền, C sử dụng chiếc chèo phủ lên 06 thùng pháo và ngồi ở giữa thuyền, H ngồi ở đầu thuyền cầm 01 chiếc đèn pin do bị cáo mang đi để soi đường, bị cáo là

người điều khiển thuyền, C bảo bị cáo điều khiển thuyền đến xã Đ, huyện V, C giao pháo ở đó, xong lại đi xuống km 13 giao pháo tiếp cho người nhận pháo ở đấy. C bảo bị cáo điều khiển thuyền chở pháo quay về km0 thành phố Hà Giang, Cường và Hữu mang nốt số pháo còn lại lên bờ, C mang đi đâu bị cáo không biết. Bị cáo và H chờ dưới thuyền không thấy C quay lại nên cả hai đã điều khiển thuyền về nhà.

8. Bị cáo Lê Văn H khai: Bị cáo H xác nhận lời khai của bị cáo H là đúng, khi được H rủ đi chở hàng bị cáo đã đồng ý tham gia, đến lúc gặp C bị cáo đã biết số hàng bị cáo tham gia vận chuyển là pháo nổ. Quá trình vận chuyển pháo từ T xuống Vị Xuyên và quay về thành phố H để giao cho người nhận pháo là đúng. Sau khi biết C bị bắt bị cáo gọi điện thoại và yêu cầu bà K (mẹ đẻ của C) thanh toán tiền công vận chuyển pháo cho C; ngày 31/1/2022, bà K chuyển số tiền 3.000.000 đồng cho bị cáo (qua người khác chuyển hộ). Khi nhận tiền, bị cáo và H thống nhất mỗi người được hưởng 1.500.000 đồng nhưng do trước đó H nợ bị cáo 1.500.000đ nên H đã dùng số tiền để trả nợ cho bị cáo, số tiền trên bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

9. Bị cáo Châu Thanh T khai: Khoảng 21 giờ ngày 15/01/2022, bị cáo ở cùng bị cáo T thì thấy có bị cáo T (Cậu của bị cáo) đến phòng trọ của bị cáo. Bị cáo nghe thấy T nói với T “*Lát nữa lên cây 13 chở hộ cậu mấy thùng hàng về*”, bị cáo ngồi đấy nghe thấy vậy nên nói với T “*Cho đi với*”, T đồng ý. Sau đó bị cáo cùng T, T đi đến km 13 xã Đ huyện V để chở pháo về để ở T. Việc T và T mang pháo bán cho ai bị cáo không biết cũng không tham gia và cũng chưa nhận được tiền công.

Xác định tổng khối lượng và chủng loại pháo nổ:

Tại Biên bản mở niêm phong, kiểm tra cân tịnh khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong ngày 16/01/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Giang (BL 406). Kết quả kiểm tra: 09 hộp pháo giống nhau đều có kích thước là (14,5 x 14,5 x 11)cm nghi là pháo, bên trong mỗi hộp có 36 ống hình trụ tròn được kết dính với nhau bằng dây màu xanh (*dạng dây cháy chậm*) thành một khối, kết quả cân tịnh tổng khối lượng pháo thu giữ của Lê Văn C là 10,3 kg (*mười phẩy ba kilogam*), tiến hành lấy mẫu giám định 01 hộp hình vuông có kích thước 14,5 x 14,5 x 11cm một đầu được dán giấy bóng màu vàng, xung quanh được bọc kín bằng giấy màu đỏ-vàng có nhiều hoa văn chữ nước ngoài ký hiệu A niêm phong theo quy định. Kết luận giám định số: 57/KL-PC09 ngày 20/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận về đối tượng giám định: “Mẫu vật cần giám định ký hiệu A là pháo nổ (*pháo hoa nổ*)” (BL 413).

Tại Biên bản mở niêm phong, kiểm tra cân tịnh khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong ngày 19/01/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang (BL 416). Kết quả kiểm tra, cân tịnh 03 thùng pháo thu giữ của Lý Văn Th và Châu Thế T tổng số 03 thùng có 54 khối hộp, có tổng khối lượng là: 61,80 kg (*Sáu mươi một phẩy tám kilogam*). Tiến hành trích mẫu giám định 03 hộp trong 03 thùng (mỗi thùng trích 01 khối hộp) có kích thước tương tự nhau (14,5 x 14,5 x 12)cm, mỗi hộp có khối lượng 1,14 kg bên ngoài dán giấy nhiều màu sắc ký hiệu

A1, A2, A3 niêm phong theo quy định. Kết luận giám định số: 63/KL-KTHS-CN ngày 24/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận về đối tượng giám định: “Các mẫu vật cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 là pháo, loại pháo nổ (*pháo hoa nổ*)” (BL 428).

Căn cứ kết quả kiểm tra mở niêm phong, cân tịnh khối lượng của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang, Cơ quan CSĐT Công an thành phố H và lời khai của các bị cáo có đủ căn cứ xác định 06 thùng pháo các bị cáo Mua Mí Páo, Lê Văn C, Lý Xuân Th, Lã Văn H, Vũ Xuân H, Lý Văn T, Châu Thế T, Châu Thanh T có đặc điểm giống nhau (Kích thước 44,8 x 29,6 x 35,5cm), bên trong thùng pháo có 18 hộp pháo giống nhau (kích thước tương đương 14,4 x 14,5 x 12cm). Căn cứ kết quả cân tịnh pháo xác định trọng lượng 01 thùng pháo là 20,6kg (*Hai mươi phẩy sáu kilogam*), như vậy 01 hộp pháo có trọng lượng là 1,14kg (*Một phẩy mười bốn kilogam*).

*** Vật chứng vụ án gồm:**

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã thu giữ vật chứng và quản lý theo quy định gồm: 01 hộp bìa cattong có kích thước 53 x 34 x 36 (cm) bên trong chứa 08 hộp pháo, được niêm phong theo quy định của pháp luật.

* Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Giang tiếp tục bảo quản vật chứng tại kho vật chứng theo quy định: 03 thùng cattong kích thước 44,8 x 29,6 x 35,5 (cm) bên trong chứa pháo nổ, được niêm phong theo quy định của pháp luật.

* Số vật chứng được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố H quản lý theo quy định của pháp luật gồm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn đen, số máy E3T6E436933, khung số 1710KY293425, biển kiểm soát 23H1-199.40, xe đã qua sử dụng của Nông Thị X.

- 01 xe gắn máy, nhãn hiệu ESPERO, số loại 50C3R, màu sơn trắng, số máy VDEJQ139FMBC493939, số khung RPEVCBJPELA493939, biển kiểm soát 23A-066.08, xe đã qua sử dụng của Đặng Văn T.

- 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE S, mặt sau điện thoại màu xám, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 sim Viettel số thuê bao 0377462623 của Châu Thế T. 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng màu xanh, nhãn hiệu IPHONE, màn hình góc phải của điện thoại bị nứt, đã qua sử dụng của Lý Xuân Th. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, mặt sau màu xanh, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 sim Viettel số thuê bao 0356035312 và 01 sim Viettel số thuê bao 0355916578 của Lý Văn T. 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng có vỏ ốp nhựa màu đen nhãn hiệu OPPO, đã qua sử dụng gắn 01 sim điện thoại Viettel có mã seri 8984.04800.00334.40578 số thuê bao 0398848181 của Khuất Lê Hiếu. 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS, màu đen, đã qua sử dụng của Lê Văn C, bên trong lắp 01 sim Viettel số thuê bao 0337921770.

- 01 thẻ ngân hàng Viettinbank số 9704150105833209 của Lý Văn Thủy.
- 01 xe mô tô, không gắn biển kiểm soát, không có tem nhãn hiệu, số khung FY – 110*10000037, số máy 53FMG*20009054*, 01 đèn pin có dây đeo màu đen, đã qua sử dụng của Mua Mí Páo.
- 01 động cơ máy nổ màu xanh đen nhãn hiệu YAOHOO, đã qua sử dụng của Đặng Thanh H.
- 01 chiếc thuyền bằng gỗ, không mui, có kích thước dài 4,9m, có hai tay chèo bằng gỗ, thuyền đã qua sử dụng, được niêm phong cho chủ sở hữu là Đặng Thanh H (đang tạm giao cho Hải quản lý).

Tại Kết luận giám định số: 57, 63 các ngày 20, 24/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận về đối tượng giám định là pháo, loại pháo nổ (*pháo hoa nổ*). Căn cứ kết quả cân tịnh pháo xác định khối lượng 01 thùng pháo là 20,6kg (*Hai mươi phẩy sáu kilogam*), 01 hộp pháo có khối lượng là 1,14kg (*Một phẩy mười bốn kilogam*). Như vậy đủ căn cứ xác định khối lượng hàng cấm (pháo nổ) các bị cáo thực hiện hành vi buôn bán, vận chuyển như sau:

Bị cáo Lê Văn C đã thực hiện hành vi Buôn bán hàng cấm (pháo nổ) với Mua Mí P, Lý Xuân Th và 02 người đàn ông không xác định được nhân thân lai lịch do H giới thiệu đến với số lượng là 06 thùng pháo nổ có tổng khối lượng là **123,6kg** (*Một trăm hai mươi ba phẩy sáu kilogam*).

Bị cáo Mua Mí P đã thực hiện hành vi Buôn bán hàng cấm (pháo nổ) với Lê Văn C, số lượng là 06 thùng pháo nổ có tổng khối lượng là **123,6kg** (*Một trăm hai mươi ba phẩy sáu kilogam*).

Bị cáo Lý Xuân Th đã thực hiện hành vi Buôn bán hàng cấm (pháo nổ) với Lê Văn C và 03 đối tượng (*hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch*), khi thực hiện hành vi Th đang bị cách ly y tế nên chỉ đạo bị cáo T là người thực hành và thông qua sự giúp sức của bị cáo H để thực hiện hành vi Buôn bán hàng cấm, số lượng pháo là 04 thùng pháo nổ có tổng khối lượng là **82,4 kg** (*Tám mươi hai phẩy bốn kilogam*). Đối với 05 hộp pháo mà bị cáo Cường đưa thêm nhưng không trao đổi với Thái do đó Th không biết, không được thỏa thuận mua bán. Vì vậy, bị cáo Th không phải chịu trách nhiệm với 05 hộp pháo này.

Bị cáo Lý Văn T, Châu Thế T đã thực hiện hành vi Buôn bán hàng cấm (pháo nổ) với vai trò người thực hành trong đồng phạm với bị cáo Th với số lượng pháo là 04 thùng và 05 hộp pháo nổ có tổng khối lượng là **88,1kg**.

Bị cáo Khuất Lê H đã thực hiện hành vi Buôn bán hàng cấm (pháo nổ) với vai trò người giúp sức (*người giới thiệu khách mua pháo*) trong đồng phạm với Lý Xuân Thái. H phải chịu trách nhiệm hình sự với số lượng pháo mà Th đã giao dịch mua bán với khách (*do Hiếu giới thiệu*) là 03 thùng pháo có tổng khối lượng là **61,8kg** (*Sáu mươi một phẩy tám kilôgam*).

Bị cáo Vũ Xuân H và bị cáo Lã Văn H cùng thực hiện hành vi vận chuyển hàng cấm (pháo nổ) cho Lê Văn C, số lượng là 06 thùng pháo nổ có tổng khối lượng là **123,6kg** (*Một trăm hai mươi ba phẩy sáu kilogam*).

Bị cáo Châu Thanh T tham gia vận chuyển pháo với T và T. Vì vậy, T phải chịu trách nhiệm với tổng khối lượng pháo T tham gia vận chuyển là **88,1kg** (*Tám mươi tám phẩy một kilogam*).

Bản cáo trạng số 19/CT-VKS-TPHG ngày 11/8/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố các bị cáo, cụ thể:

- Các bị cáo Lê Văn C, Mua Mí P về tội Buôn bán hàng cấm theo qui định tại điểm c khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự 2015;

- Các bị cáo Lý Xuân Th, Khuất Lê H, Lý Văn T, Châu Thế T về tội Buôn bán hàng cấm theo qui định tại điểm g khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự 2015;

- Các bị cáo Vũ Xuân H, Lã Văn H về tội Vận chuyển hàng cấm theo qui định tại điểm c khoản 3 Điều 191 Bộ luật hình sự 2015;

- Bị cáo Châu Thanh T về tội Vận chuyển hàng cấm theo qui định tại điểm g khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự 2015;

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan CSĐT, phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan Điều tra thu thập được về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, vật chứng thu giữ được, phù hợp với kết quả điều tra, nội dung vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang sau phần xét hỏi và tranh luận, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh và Điều luật nêu trên. Bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 - BLHS cho các bị cáo thuộc diện hộ nghèo và sinh sống tại nơi đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật cho các bị cáo Cường, Páo, Thái, Thủy, Toại, Tùng, Hữu và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh:

- Tuyên bố các bị cáo Lê Văn C, Mua Mí P phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo qui định tại điểm c khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự 2015;

- Các bị cáo Lý Xuân Th, Khuất Lê H, Lý Văn T, Châu Thế T phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo qui định tại điểm g khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự 2015;

- Các bị cáo Vũ Xuân H, Lã Văn H phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” theo qui định tại điểm c khoản 3 Điều 191 Bộ luật hình sự 2015;

- Bị cáo Châu Thanh T phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” theo qui định tại điểm g khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự 2015;

2. Về hình phạt:

- Về hình phạt chính:

1. Bị cáo Lê Văn C: Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 190; điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 – BLHS. Xử phạt bị cáo C từ 09 năm tù đến 11 năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 16/01/2022.

2. Bị cáo Mua Mí P: Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 – BLHS. Xử phạt bị cáo P từ 08 năm tù đến 10 năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/4/2022.

3. Bị cáo Lý Xuân Th: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 190; khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58- BLHS. Xử phạt bị cáo từ 07 năm tù đến 08 năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 05/5/2022.

4. Bị cáo Lý Văn T: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 190; khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 – BLHS. Xử phạt T từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm 06 tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, ngày 18/01/2022.

5. Bị cáo Châu Thế T: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 190; khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 56, Điều 58 – BLHS. Xử phạt bị cáo Toại từ 05 năm đến 06 năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 18/01/2022. Đề nghị HĐXX tổng hợp hình phạt trong bản án số 10/HSST ngày 12/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang.

6. Bị cáo Khuất Lê H: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 – BLHS. Xử phạt bị cáo Hiếu từ 05 năm tù đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 13/6/2022.

7. Bị cáo Vũ Xuân H: Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 – BLHS. Xử phạt bị cáo H từ 06 năm 06 tháng tù đến 07 năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08/4/2022.

8. Bị cáo Lã Văn H: Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 - BLHS. Xử phạt H từ 06 năm tù đến 06 năm 06 tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 09/4/2022.

9. Bị cáo Châu Thanh T: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65, Điều 90, Điều 91, Điều 101 – BLHS. Xử phạt từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang giáo dục quản lý, thời hạn tính từ ngày tuyên án.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung, do các bị cáo đều là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định.

- Về vật chứng: Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường nên không đề nghị xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bị cáo C, P, T, Th, T, H, T được miễn án phí. Bị cáo H, H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo trình bày ý kiến tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

* Ý kiến trình bày của các Trợ giúp viên pháp lý

- Bà Vương Thị Minh H bào chữa cho bị cáo Mua Mí P:

Về tội danh: Nhất trí với quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang truy tố bị cáo Páo về tội Buôn bán hàng cấm theo qui định tại điểm c khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự 2015 là đúng người đúng tội.

Về hình phạt: Hành vi của bị cáo P đã vi phạm pháp luật và cần phải chịu hình phạt nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo là người dân tộc, sống trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, nên nhận thức pháp luật và xã hội bị hạn chế. Hành vi của bị cáo xuất phát từ điều kiện kinh tế khó khăn, dịch bệnh Covid diễn ra trong thời gian dài, bị cáo không có việc làm ổn định nên đã thực hiện việc buôn bán pháo vì mục đích lợi nhuận. Sau khi bị phát hiện bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng các quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 - Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 08 năm tù.

- Ông Nguyễn Xuân G bào chữa cho bị cáo Lý Xuân Th:

Về tội danh: Nhất trí với quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Th về tội Buôn bán hàng cấm theo qui định tại điểm g khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự 2015 là đúng người đúng tội.

Về hình phạt: Hành vi của bị cáo Th đã vi phạm pháp luật và cần phải chịu hình phạt theo quy định của pháp luật. Bị cáo là người dân tộc, sống trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, nên nhận thức pháp luật và xã hội bị hạn chế. Hành vi của bị cáo xuất phát từ điều kiện kinh tế khó khăn, bị cáo không có việc làm ổn định nên đã thực hiện việc buôn bán pháo vì mục đích lợi nhuận. Sau khi bị phát hiện bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng các quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 - Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 06 năm tù.

- Bà Nguyễn Thị Hiến bào chữa cho bị cáo Châu Thanh T

Về tội danh: Nhất trí với quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang truy tố bị cáo T phạm tội Vận chuyển hàng cấm theo qui định tại điểm g khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự 2015 là đúng người đúng tội.

Về hình phạt: Hành vi của bị cáo T đã vi phạm pháp luật và cần phải chịu hình phạt theo quy định của pháp luật. Bị cáo là người dân tộc, sống trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức pháp luật và xã hội bị hạn chế. Bị cáo tham gia với vai trò đồng do thấy T đi chở hàng nên xin đi theo và chưa được trả tiền công, bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận. Sau khi bị phát hiện bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Do mức hình phạt của đại diện Viên kiểm sát phù hợp với

hành vi phạm tội của bị cáo nên nhất trí. Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng các quy định của pháp luật xử phạt bị cáo 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng.

Các bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đã nhận thức được hành vi của mình đã vi phạm pháp luật, bị xử lý về hình sự là đúng. Các bị cáo đều xin được giảm nhẹ hình phạt tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử vụ án nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292- Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Do muốn thu lời bất chính từ việc buôn bán và vận chuyển pháo nổ, nên từ ngày 15/01/2022 đến ngày 18/01/2022 các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội Buôn bán, vận chuyển pháo nổ. Quá trình điều tra ban đầu các bị cáo Lê Văn C, Lý Văn T, Châu Thế T, Lý Xuân Th quanh co chối tội, sau đó các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Các bị cáo Mua Mí P, Khuất Lê H, Vũ Xuân H, Lã Văn H, Châu Thanh T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn, lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 01-10), biên bản mở niêm phong, cân tịnh khối lượng (BL 406, 416); Kết luận giám định (BL406-431), các biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xác định hiện trường, bản ảnh hiện trường, sơ đồ hiện trường, (BL 351-405), biên bản mở niêm phong và kiểm tra điện thoại, kết quả tra cứu list điện thoại (BL447-599); Kết quả kiểm tra giao dịch các tài khoản ngân hàng liên quan (BL 600-635); phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng (965-1030) và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ có đủ căn cứ kết luận, cụ thể:

[4]. Vào khoảng cuối tháng 12/2021, do có mục đích kiếm lời nên bị cáo Lê Văn C đã liên hệ mua 06 thùng pháo nổ của bị cáo Mua Mí P với giá là 7.000.000 đ/ 1 thùng, C đã thanh toán trước cho Páo số tiền 18.000.000 đồng và hứa hẹn số tiền còn lại khi bán xong pháo C sẽ thanh toán hết, P đồng ý. Sau khi P mua được pháo từ bên Trung Quốc, P đã thông báo cho C biết và thỏa thuận về thời gian địa điểm giao nhận pháo. Ngày 15/01/2022, C thuê bị cáo Vũ Xuân H đi vận chuyển số pháo nổ nêu trên, H đồng ý và rủ bị cáo Lã Văn H cùng đi vận chuyển pháo, H

đồng ý, H đã chủ động mượn 01 thuyền gỗ chạy bằng động cơ máy nổ của Đặng Văn H (là bạn của H). Khoảng 00 giờ ngày 16/01/2022, các bị cáo C, H, H cùng nhau đi thuyền do H trực tiếp điều khiển đến Km19 thuộc thôn G, xã T, huyện V để nhận tổng số 06 thùng pháo do P trực tiếp giao, nguồn gốc pháo trên do P mua của một người đàn ông Trung Quốc tên V (không xác định được nhân thân lai lịch) tại khu vực biên giới giữa mốc 264-265 Việt Nam-Trung Quốc (thuộc lãnh thổ Trung Quốc) với giá 1.000 nhân dân tệ/1thùng (tương đương 3.500.000 đồng/1 thùng), ngày 22/01/2022, P đã trả tiền mua 06 thùng pháo cho V số tiền 21.000.000 đồng (hai mươi một triệu đồng). Sau khi nhận pháo C và H cùng nhau vận chuyển 06 thùng pháo lên thuyền, sau đó C bảo H điều khiển thuyền đi theo hướng về thành phố H. Đến khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, tại Km6, xã Đ, huyện V, C bán 01 thùng pháo cho một người đàn ông (không xác định được nhân thân lai lịch) với giá 13.000.000 đồng và thỏa thuận sẽ thanh toán sau, C đồng ý, khi giao xong C tiếp tục bảo H điều khiển thuyền đến Km13, xã D, huyện V để bán pháo cho bị cáo Lý Xuân Th, người trực tiếp nhận pháo là Lý Văn T và Châu Thế T. Sau khi giao pháo tại Km13, xã Đ, bị cáo C tiếp tục bảo H điều khiển thuyền cùng H quay lên khu vực Km0 thành phố H, khoảng 05 giờ cùng ngày bị cáo C một mình bê 13 hộp pháo lên bờ sông còn H và H đi về nhà. Bị cáo C cất giấu 04 hộp pháo tại chân bờ kè sông Lô, còn 09 hộp pháo bán cho một người đàn ông tên T (không xác định được nhân thân lai lịch) T yêu cầu C mang pháo đến khu vực Bệnh viện đa khoa Đức Minh, thành phố H để giao pháo và thanh toán tiền, C đồng ý, trên đường vận chuyển pháo đến khu vực tổ 9, phường N, thành phố H thì C bị lực lượng Công an thành phố H bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật. Bị cáo Lê Văn C, Mua Mí P đã thực hiện hành vi Buôn bán hàng cấm (pháo nổ) với số lượng là 06 thùng pháo nổ có tổng khối lượng là 123,6kg (Một trăm hai mươi ba phẩy sáu kilogam). Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Văn C và Mua Mí P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại khoản 3 Điều 190- Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo H, H đã đủ yếu tố cấu thành tội Vận chuyển hàng cấm theo quy định tại khoản 3 Điều 191 Bộ luật hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân TP H truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội đúng quy định của pháp luật.

[5]. Vào khoảng tháng 01/2022, sau khi bị cáo Lý Xuân Th trao đổi với bị cáo Khuất Lê H, được H giới thiệu về đối tượng mua pháo nhưng người mua không trực tiếp thỏa thuận với Th mà thông qua Hiếu để trao đổi, thống nhất về thời gian, địa điểm, cách thức giao nhận pháo. Bị cáo Th đã chủ động liên hệ mua 04 thùng pháo nổ của bị cáo C, chưa thỏa thuận giá cụ thể và hẹn khi bán được pháo sẽ thanh toán sau, bị cáo C đồng ý. Ngày 15/01/2022, Th liên hệ với bị cáo Lý Văn T bảo T đi nhận pháo tại khu vực Km13, huyện V về cất giấu, T đồng ý tham gia vận chuyển, cất giấu pháo để phục vụ hành vi buôn bán pháo nổ của bị cáo Th và rủ bị cáo Châu Thế T cùng đi vận chuyển pháo với mục đích buôn bán pháo, T đồng ý. Bị cáo Châu Thanh T nghe thấy bị cáo T rủ bị cáo Toại đi vận chuyển pháo nên xin đi cùng, T và T đồng ý. Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 16/01/2022, bị cáo T cùng T, T nhận 04 thùng pháo và 05 hộp pháo do bị cáo C giao tại Km 13, xã Đ, huyện V và vận

chuyển về nhà T cất giấu. Theo sự chỉ đạo của Th, Khoảng 17 giờ ngày 17/01/2022, T đi bán 05 hộp pháo (lẻ) cho 01 người đàn ông không quen biết (*chưa xác định được nhân thân lai lịch*) tại thôn L, xã N, huyện V nhận số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) và đem tiền về đưa cho Th, số tiền trên Th đã một mình chi tiêu cá nhân hết. Tối ngày 17/01/2022, Thủy đã vớt 01 thùng pháo bị hỏng xuống suối N và không thông báo cho Th biết. Khoảng 19 giờ ngày 18/01/2022, theo sự chỉ đạo của Th, T cùng Toại đến quán ăn C4 của Hiếu tại tổ 2, thị trấn V, huyện V được H chỉ khách mua pháo. Sau đó T và T cùng nhau dẫn khách là hai người đàn ông không quen biết (*không xác định được nhân thân lai lịch*) đến khu vực cầu chùa Nậm Dầu, thuộc thôn N xã N, huyện V nơi Thủy đã tự cất giấu 03 thùng pháo từ trước, T giúp T chôn chùng xung quanh để T giao dịch bán pháo, sau khi xem pháo xong người đàn ông đồng ý mua 03 thùng pháo, T thỏa thuận giá pháo theo sự chỉ đạo của Th là 44.800.000 đồng (*bốn mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng*)/ 03 thùng, người đàn ông đồng ý và nói tiền sẽ chuyển khoản, khi đó Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hà Giang phát hiện bắt quả tang T và T cùng toàn bộ tang vật 03 thùng pháo, hai người đàn ông là khách mua pháo đã tẩu thoát. Như vậy, hành vi của bị cáo Thái, T, T và H đã đủ yếu tố cấu thành tội Buôn bán hàng cấm theo quy định tại khoản 2 Điều 190- BLHS. Hành vi của bị cáo Tùng đã đủ yếu tố cấu thành tội Vận chuyển hàng cấm theo quy định tại khoản 2 Điều 191- Bộ luật hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân TP H truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội đúng quy định của pháp luật.

[6]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý, sản xuất kinh doanh một số loại hàng hóa cấm của Nhà nước, mặc dù các bị cáo nhận thức được việc buôn bán vận chuyển hàng cấm (pháo nổ) là trái với quy định của pháp luật, gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi buôn bán, vận chuyển hàng cấm pháo nổ là trái pháp luật nhưng vì lợi nhuận nên các bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[7]. Vai trò của các bị cáo trong vụ án: Xét tính chất, mức độ, nguyên nhân điều kiện phạm tội và hậu quả của hành vi, căn cứ nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, vai trò của từng bị cáo. Thấy rằng vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội không có sự phân công, bàn bạc cụ thể:

[8]. Bị cáo Lê Văn C là người giữ vai trò chính, chủ động khởi xướng việc buôn bán pháo, liên hệ với P để thỏa thuận mua số lượng pháo lớn, và chủ động giao dịch bán pháo cho bị cáo Thái và đối tượng tên H, T thuê người và phương tiện vận chuyển pháo mang đi tiêu thụ. Do đó bị cáo phải chịu mức hình phạt cao nhất, bị cáo Lê Văn C có 01 tiền án (*chưa được xóa án tích*) và nhân thân xấu đã bị cơ quan pháp luật xử lý 03 lần. Nhưng bị cáo Cường không lấy đó làm bài học mà tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, quá trình điều tra ban đầu bị cáo không thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, gây khó khăn cho quá trình điều tra,

sau đó bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong giai đoạn xét xử, bị cáo C có cung cấp các tài liệu gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, sinh sống ở khu vực III xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Giang và có ông nội của bị cáo là người có công với cách mạng có Huy chương kháng chiến hạng nhất. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

[9]. Bị cáo Mua Mí P thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm, là người thực hành tích cực với bị cáo C. Bị cáo là người liên hệ với người dẫn ông tên V để pháo mang về bán cho C, số lượng pháo bị cáo mua bán lớn. Xét vai trò đồng phạm giữa bị cáo C và P là đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, bàn bạc cụ thể, nên cần xem xét mức hình phạt của P thấp hơn mức hình phạt của C. Bị cáo P có 01 tiền sự (chưa chấp hành) quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngày 12/4/2022, bị cáo tự nguyện đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H để đầu thú, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực III xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Giang bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[10]. Ngày 15/01/2022, P qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định. Tuy nhiên, xét thấy động cơ, mục đích xuất cảnh, nhập cảnh trái phép của P là để thực hiện hành vi mua bán pháo nổ, hành vi này là hành vi khách quan trong cấu thành tội Buôn bán hàng cấm (pháo nổ) của P và đã bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố H khởi tố điều tra theo quy định, do đó không xem xét xử lý đối với hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của Mua Mí P.

[11]. Bị cáo Lý Xuân Th đã thực hiện hành vi Buôn bán hàng cấm với bị cáo C và T, H và 03 đối tượng (chưa xác định được nhân thân lai lịch). Xét thấy mối quan hệ giữa các bị cáo là đồng phạm giản đơn, vai trò của Th là người thực hành trong đồng phạm với C và vai trò người tổ chức trong đồng phạm với T và H, do đó bị cáo Th phải chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo C và cao hơn so với bị cáo T và H. Bị cáo Th có 01 tiền sự (chưa chấp hành) và có nhân thân xấu đã bị cơ quan pháp luật xử lý 01 lần (đã được xóa án tích). Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, quá trình điều tra ban đầu bị cáo không thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, gây khó khăn cho quá trình điều tra, tại phiên tòa đã khai báo thành khẩn. Ngày 05/5/2022, bị cáo tự nguyện đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H để đầu thú, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực III xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Giang, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[12]. Bị cáo Lý Văn T đã thực hiện hành vi Buôn bán hàng cấm với vai trò đồng phạm với bị cáo Th, thực hiện hành vi dưới sự chỉ đạo của Th, do đó cần cần xem xét mức hình phạt của bị cáo T thấp hơn so với bị cáo Th. Tại phiên tòa khai

báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực III xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Giang do đó bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[13]. Bị cáo Châu Thế T đã thực hiện hành vi Buôn bán hàng cấm với vai trò đồng phạm với Lý Văn T, bị cáo T là người rủ bị cáo T cùng thực hiện hành vi, cần xem xét mức hình phạt của T thấp hơn mức hình phạt của T. Quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự, nhưng có nhân thân xấu hiện bị cáo đang chấp hành bản án số 10/2021/HSST ngày 12/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang, xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ (chưa chấp hành xong). Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực III xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Do đó bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[14]. Bị cáo Khuất Lê H đã thực hiện hành vi Buôn bán hàng cấm với vai trò đồng phạm là người giúp sức (người giới thiệu khách mua pháo) với bị cáo Thái. Bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự với số lượng pháo mà bị cáo Th đã giao dịch mua bán với khách (do Hiếu giới thiệu). Xét thấy vai trò giúp sức của bị cáo Hiếu là về mặt tinh thần, so với hành vi của người khởi xướng và người thực hành thì hành vi của người giúp sức có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn, hành vi giúp sức của H đóng góp vai trò tạo điều kiện thuận lợi, dễ dàng hơn cho việc thực hiện tội phạm. Do đó, cần xem xét mức hình phạt cho bị cáo H thấp hơn so với bị cáo Th và T, Toại. Bị cáo Khuất Lê H có nhân thân xấu, đã bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 12 tháng tù về tội Tàng trữ hàng cấm (đã được xóa án tích). Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quy định tại Điểm s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

[15]. Bị cáo Vũ Xuân H và bị cáo Lã Văn H là đồng phạm, H với vai trò người khởi xướng, rủ H cùng tham gia, H là người thực hành cùng thực hiện hành vi vận chuyển hàng cấm với H, nên cần xem xét buộc H phải chịu mức hình phạt cao hơn H. Bị cáo Vũ Xuân H chưa có tiền án tiền sự, có nhân thân tốt, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại Điểm s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo Lã Văn H chưa có tiền án tiền sự, có nhân thân xấu đã bị cơ quan pháp luật xử lý 03 lần, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại Điểm s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo H là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực III xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Giang do đó bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[16]. Bị cáo Châu Thanh T tham gia vận chuyển pháo với vai trò đồng phạm thực hiện hành vi vận chuyển pháo với T và T, các bị cáo không có sự phân công bàn bạc, nên cần áp dụng mức hình phạt thấp hơn các bị cáo khác. Ngày 27/4/2022 bị cáo tự nguyện đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Giang để

đầu thú, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực III xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Giang và thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Chính phủ, Do đó bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Châu Thanh T chưa đủ 18 tuổi, cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo Điều 90, 91 Bộ luật hình sự 2015.

[17]. Ngày 04/5/2022, Công an thành phố H tiến hành xét nghiệm chất ma túy đối với Lý Xuân Th, kết quả: Th dương tính với ma túy Hêrôin. Ngày 11/7/2022, Trưởng Công an thành phố Hà Giang ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lý Xuân Th về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức: Cảnh cáo. Xét hình thức xử lý của CQ CSĐT Công an TP Hà Giang là phù hợp nên chấp nhận.

[18]. Về hình phạt bổ sung: các bị cáo do các bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định và sống tại vùng khó khăn. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[19]. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[20]. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã thu giữ vật chứng và quản lý theo quy định gồm: 01 hộp bìa cattong có kích thước 53 x 34 x 36 (cm) bên trong chứa 08 hộp pháo, được niêm phong theo quy định của pháp luật. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Giang tiếp tục bảo quản vật chứng tại kho vật chứng theo quy định: 03 thùng cattong kích thước 44,8 x 29,6 x 35,5 (cm) bên trong chứa pháo nổ, được niêm phong theo quy định của pháp luật. Đây là số vật chứng thuộc vật cấm lưu hành, do đó giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Giang xử lý theo quy định của pháp luật.

[21]. 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn đen, số máy E3T6E436933, khung số 1710KY293425, biển kiểm soát 23H1-199.40, xe đã qua sử dụng của Nông Thị X. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được việc bị cáo T sử dụng xe máy của bà X làm phương tiện phạm tội nhưng bà X không biết. Nên cần tuyên trả lại cho bà X quản lý sử dụng.

[22]. 01 xe gắn máy, nhãn hiệu ESPERO, số loại 50C3R, màu sơn trắng, số máy VDEJQ139FMBC493939, số khung RPEVCBJPELA493939, biển kiểm soát 23A-066.08, xe đã qua sử dụng của Đặng Văn Th. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được ông Th không biết việc bị cáo T mượn và sử dụng làm phương tiện phạm tội. Nên cần tuyên trả lại cho ông Th quản lý sử dụng.

[23]. 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE S, mặt sau điện thoại màu xám, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 sim Viettel số thuê bao 0377462623 của Châu Thế T. 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng màu xanh, nhãn hiệu IPHONE, màn hình góc phải của điện thoại bị nứt, đã qua sử dụng của Lý Xuân Th. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, mặt sau màu xanh, đã qua sử

dụng, bên trong lắp 01 sim Viettel số thuê bao 0356035312 và 01 sim Viettel số thuê bao 0355916578 của Lý Văn T. 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng có vỏ ốp nhựa màu đen nhãn hiệu OPPO, đã qua sử dụng gắn 01 sim điện thoại Viettel có mã seri 8984.04800.00334.40578 số thuê bao 0398848181 của Khuất Lê Hiếu. 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS, màu đen, đã qua sử dụng của Lê Văn C, bên trong lắp 01 sim Viettel số thuê bao 0337921770. Các bị cáo T, Th, T, H, C đều xác nhận đã sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- 01 xe mô tô, không gắn biển kiểm soát, không có tem nhãn hiệu, số khung FY – 110*10000037, số máy 53FMG*20009054*, đã qua sử dụng của Mua Mí P Bị cáo P đã sử dụng làm phương tiện phạm tội. Tuy nhiên, chiếc xe là tài sản chung của gia đình bị cáo chưa phân chia được phần sở hữu, nên cần trả lại cho chị Vàng Thị M là vợ của bị cáo P quản lý sử dụng.

- 01 đèn pin có dây đeo màu đen, đã qua sử dụng của Mua Mí P. Bị cáo P đã sử dụng làm phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu tiêu hủy

- 01 thẻ ngân hàng Viettinbank số 9704150105833209 của Lý Văn Th. Trả lại cho bị cáo T

- 01 động cơ máy nổ màu xanh đen nhãn hiệu YAOHOO, đã qua sử dụng của Đặng Thanh H, là phương tiện bị cáo Vũ Xuân H sử dụng vào việc chở pháo. Tuy nhiên khi anh H cho bị cáo H mượn, anh H không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho anh Đặng Văn H. Giao 01 chiếc thuyền bằng gỗ, không mui, có kích thước dài 4,9m, có hai tay chèo bằng gỗ, thuyền đã qua sử dụng, cho chủ sở hữu là Đặng Thanh H.

[24]. Biện pháp tư pháp: Số tiền 5.000.000đ do bị cáo Th bán pháo mà có, bị cáo đã sử dụng hết và số tiền bị cáo H nhận 3000.000đ nhận của bà K trả tiền công thay bị cáo C, bị cáo đã sử dụng hết. Số tiền này do các bị cáo thu lời bất chính, nên cần truy thu để sung ngân sách Nhà nước.

[25]. Đối với Đỗ Văn H, Nguyễn Trung T và Phạm Hồng G và đối tượng mua bán pháo. Quá trình điều tra bị cáo C khai Đỗ Văn H sử dụng số thuê bao 0869989444 gọi điện thoại cho C để đặt mua 01 thùng pháo và 09 hộp pháo. Ngày 16/01/2022, Cường đã bán 01 thùng pháo cho Hùng tại xã Đ, huyện V do 01 người đàn ông (*C không xác định được nhân thân, lai lịch*) đến nhận. Sau đó Hùng nói Cường mang 09 hộp pháo giao cho người tên Tâm có số điện thoại 0389857730 tại cột mốc Km0, thành phố H. Khi đến nơi, C thấy có 01 người đàn ông đến giao dịch nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch của người này. Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã tiến hành xác minh đối với số thuê bao 0389857730 xác định người sử dụng thuê bao là Nguyễn Trung T. Tại cơ quan điều tra H và T khai nhận có quen biết Lê Văn C và thỉnh thoảng có gọi điện nói chuyện, hỏi thăm nhưng không thỏa thuận, mua bán, giao nhận pháo với C. Tiến hành đối chất giữa Lê Văn C và Đỗ Văn H, kết quả:

Hùng khẳng định không trao đổi mua bán pháo với C, qua đổi chất C không đưa ra được chứng cứ tài liệu gì để chứng minh lời khai của C.

[26]. Quá trình điều tra bị cáo H khai báo Phạm Hồng G sử dụng số thuê bao 0869823111 và số thuê bao 0923595095 nhờ Hiếu giới thiệu người bán pháo nổ để G mua. Sau đó, G thường xuyên liên lạc với H để trao đổi về việc mua bán pháo nổ. Tại cơ quan điều tra G khai nhận có quen biết Khuất Lê H và có sử dụng số thuê bao 0869823111 gọi điện nói chuyện hỏi thăm H nhưng không trao đổi, thỏa thuận, mua bán pháo với H. G khai báo không sử dụng số thuê bao 0923595095. Ngày 18/01/2022, G không thực hiện hành vi giao dịch mua bán pháo với ai tại V, Hà Giang vì khoảng 19 giờ ngày 18/01/2022 G đến nhà anh Mai Văn Q ăn cơm sau đó đi cùng anh Q đến 0h30 ngày 19/01/2022 thì G về nhà. Mai Văn Q và Triệu Thị P xác nhận có sự việc như Giang khai báo nhưng không nhớ ngày cụ thể. Cơ quan CSĐT Công an thành phố H tổ chức cho Lý Văn T và Châu Thế T nhận dạng người đàn ông đến giao dịch mua pháo tại thôn N, xã N, huyện V vào ngày 18/01/2022. Kết quả, các bị cáo không nhận dạng được người đàn ông mua pháo. Tiến hành đối chất giữa Khuất Lê Hiếu và Phạm Hồng Giang, kết quả: Giang khẳng định không trao đổi mua bán pháo với H. Tại phiên tòa bị cáo H cũng xác nhận tối ngày 18/01/2022 có hai người đàn ông đi xe ô tô bán tải đến để nhận pháo nhưng do trời tối và người đó đeo khẩu trang nên bị cáo không xác định được có phải là G hay không.

[27]. Kết quả tra cứu số thuê bao 0923595095 xác định người đứng tên đăng ký là Tô Thị L, SN: 1994, HKTT: thôn B, xã K, huyện V là nhưng L khai không đăng ký, quản lý, sử dụng số thuê bao 0923595095. Hiện chưa xác định được người quản lý, sử dụng số thuê bao này. Tra cứu lịch sử liên lạc số thuê bao 0398848181 của Khuất Lê H từ ngày 15/01/2022 đến ngày 18/01/2022, kết quả: Nhiều lần liên lạc với số thuê bao 0869823111 và 0923595095. Ngày 18/01/2022, có 02 lần liên lạc với số thuê bao 0869823111 vào hồi 20h34 và 20h59.

[28]. Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập được đến nay chưa có đủ căn cứ chứng minh Đỗ Văn H, Nguyễn Trung T và Phạm Hồng G thực hiện hành vi Buôn bán hàng cấm trong vụ án trên. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an thành phố H tiếp tục điều tra, xác minh, khi có đủ tài liệu, chứng cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật. Xét việc xử lý của cơ quan CSĐT Công an thành phố H là phù hợp nên chấp nhận.

[29]. Đối với đối tượng mua 05 hộp pháo tại cầu Km21 và đối tượng nhận pháo tại Km6, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch, Cơ quan CSĐT Công an thành phố H tiếp tục điều tra, xác minh, khi có đủ tài liệu, chứng cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[30]. Đối với Trịnh Thị K: Sau khi Lê Văn C bị bắt, Vũ Văn H, Lã Văn H đã liên lạc với bà K để yêu cầu bà Khuyên trả tiền công vận chuyển pháo cho C. Ngày 31/01/2022, bà K đã trả cho H số tiền 3.000.000 đồng. Tuy nhiên xét thấy bà K không phải là nhân chứng trực tiếp của vụ án nên không có cơ sở để tố giác tội

phạm. Đối với số tiền 3.000.000 đồng đã trả cho H và H, bà K không có yêu cầu đề nghị gì. Nên không xem xét giải quyết.

[32]. Nguyễn Quyết T khi được thuê vận chuyển C từ cột mốc Km0 đến bệnh viện Đ, T không biết đồ vật C mang theo là pháo, nên không xem xét.

[33]. Đối với Vàng Thị G khi nhận chuyển khoản số tiền 38.000.0000 đồng của P để đổi sang tiền nhân dân tệ và giúp P chuyển tiền sang Trung Quốc, Giàng không biết nguồn gốc số tiền 38.000.000 đồng cũng như mục đích giao dịch chuyển tiền, nên không xem xét.

[34]. Đối với Nguyễn Thị N khi được bị cáo C nhờ chuyển số tiền 18.000.000 đồng vào tài khoản của Mua Mí P, N nói không biết nguồn gốc số tiền 18.000.000 đồng cũng như mục đích giao dịch chuyển tiền, nên không xem xét.

[35]. Đối với Đặng Thanh H khi cho bị can Vũ Xuân H mượn thuyền, Đặng Thanh H không biết động cơ, mục đích sử dụng thuyền để vận chuyển pháo. nên không xem xét.

[36]. Đối với Kiều Thị O khi được bà Khuyên nhờ chuyển khoản số tiền 3.000.000 đồng đến tài khoản của Lã Văn H, O không biết mục đích giao dịch chuyển tiền, nên không xem xét.

[37]. Đối với Nông Thị X khi Lý Văn T sử dụng xe mô tô BKS 23H1- 199.40 của bà X đi vận chuyển, buôn bán pháo nổ bà X không biết gì, nên trả lại chiếc xe nêu trên cho bà X.

[38]. Đối với Đặng Văn T khi Châu Thế T mượn và sử dụng xe máy BKS 23AA- 066.08 đi vận chuyển, buôn bán pháo nổ ông T không biết gì, nên cần trả lại xe cho ông T.

[39]. Vàng Thị M (vợ của bị cáo P) là đồng sở hữu với bị cáo P trong việc quản lý sử dụng chiếc xe máy. Khi P dùng chiếc xe máy để chở pháo, chị Mua không biết. Hiện chưa phân chia được phần sở hữu của giá trị xe máy, nên cần giao xe máy cho M quản lý sử dụng.

[40]. Đối với Tần Thị C, là người có tên đăng ký số thuê bao 0389857730 nhưng không trực tiếp sử dụng mà do chồng là Nguyễn Trung T quản lý, sử dụng.

[41]. Đối với Ngô Thị H, là người có tên đăng ký số thuê bao 0869823111 nhưng không trực tiếp sử dụng mà do chồng là Phạm Hồng G quản lý, sử dụng.

[41]. Đối với người đàn ông tên V, quốc tịch Trung Quốc xét thấy hành vi V bán pháo cho Mua Mí P xảy ra tại lãnh thổ Trung Quốc. Vì vậy không có căn cứ để xử lý theo pháp luật Việt Nam.

[42]. Đối với Páo Văn D quá trình điều tra D vắng mặt tại nơi cư trú, cơ quan điều tra chưa tiến hành làm việc. Tuy nhiên Thái khai báo khi mượn tài khoản của D để nhận tiền Th không nói gì về nguồn gốc, mục đích sử dụng số tiền đó cho D.

[43]. Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hà Giang không xem xét xử lý đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên là phù hợp.

[44]. Về án phí; các bị cáo C, P, Thái, T, T, H, T được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Cáo bị cáo H, H phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

- Các bị cáo Lê Văn C, Mua Mí P, Lý Xuân Th, Khuất Lê H, Lý Văn T, Châu Thế T phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

- Các bị cáo Vũ Xuân H, Lã Văn H, Châu Thanh T phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”

2. Hình phạt:

1. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 190; điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 - Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn C 09 (chín) năm tù thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ này 16/01/2022.

2. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 - Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Mua Mí P 08 (Tám) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 12/4/2022.

3. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 - Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Xuân Th 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/5/2022.

4. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 - Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Văn T 05 (Năm) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 18/01/2022.

5. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 56, Điều 58 - Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Châu Thế T 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Cộng với hình phạt cải tạo không giam giữ 18 tháng của Bản án số 10/HSST ngày 12/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang (thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ từ ngày 21/5/2021 đến ngày 07/10/2022 là 16 tháng, 16 ngày. Số thời gian chưa chấp hành còn lại là 01 tháng 14 ngày). Quy đổi 03 ngày cải tạo không giam giữ = 01 ngày tù, như vậy, 44 ngày cải tạo không giam giữ = 14, 7 ngày tù, làm tròn thành 14 ngày tù. Tổng hợp hình phạt tù của hai bản án buộc bị cáo phải chấp

hành là 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng 14 (Mười bốn) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/01/2022.

6. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 - Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Khuất Lê H 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/6/2022.

7. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58- Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Xuân H 05 (Năm) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08/4/2022.

8. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 BLHS. Xử phạt bị cáo Lã Văn H 05 (Năm) năm 07 (bảy) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/4/2022 .

9. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65, Điều 90, Điều 91, Điều 101 - Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Châu Thanh T 18 (Mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 07/10/2022. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Ngọc Minh, huyện V, tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú cùng giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

10. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu 01 hộp bìa cattong có kích thước 53 x 34 x 36 (cm) bên trong chứa 08 hộp pháo, được niêm phong theo quy định của pháp luật. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Giang tiếp tục bảo quản vật chứng tại kho vật chứng theo quy định: 03 thùng cattong kích thước 44,8 x 29,6 x 35,5 (cm) bên trong chứa pháo nổ, được niêm phong theo quy định của pháp luật. Giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Giang xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trả lại cho bà X: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn đen, số máy E3T6E436933, khung số 1710KY293425, biển kiểm soát 23H1-199.40, xe đã qua sử dụng của Nông Thị X.

- Trả lại cho ông T: 01 xe gắn máy, nhãn hiệu ESPERO, số loại 50C3R, màu sơn trắng, số máy VDEJQ139FMBC493939, số khung RPEVCBJPELA493939, biển kiểm soát 23A-066.08, xe đã qua sử dụng của Đặng Văn T.

- Trả lại cho chị Vàng Thị M: 01 xe mô tô, không gắn biển kiểm soát, không có tem nhãn hiệu, số khung FY – 110*10000037, số máy 53FMG*20009054*, đã qua sử dụng của Mua Mí P.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE S, mặt sau điện thoại màu xám, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 sim Viettel số thuê bao 0377462623 của Châu Thế Toại. 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng màu xanh, nhãn hiệu IPHONE, màn hình góc phải của điện thoại bị nứt, đã qua sử dụng của Lý Xuân Th. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, mặt sau màu xanh, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 sim Viettel số thuê bao 0356035312 và 01 sim Viettel số thuê bao 0355916578 của Lý Văn Thủy. 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng có vỏ ốp nhựa màu đen nhãn hiệu OPPO, đã qua sử dụng gắn 01 sim điện thoại Viettel có mã seri 8984.04800.00334.40578 số thuê bao 0398848181 của Khuất Lê H. 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS, màu đen, đã qua sử dụng của Lê Văn C, bên trong lắp 01 sim Viettel số thuê bao 0337921770.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 đèn pin có dây đeo màu đen, đã qua sử dụng của Mua Mí P. Bị cáo P đã sử dụng làm phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu tiêu hủy

- Trả lại cho bị cáo Lý Văn T: 01 thẻ ngân hàng Viettinbank số 9704150105833209 của Lý Văn T.

- Trả lại cho Đặng Văn H: 01 động cơ máy nổ màu xanh đen nhãn hiệu YAOHOO, đã qua sử dụng của Đặng Văn H. Giao cho Đặng Văn H 01 chiếc thuyền bằng gỗ, không mui, có kích thước dài 4,9m, có hai tay chèo bằng gỗ, thuyền đã qua sử dụng, được niêm phong cho chủ sở hữu là Đặng Văn H (chiếc thuyền đã được tạm giao cho H quản lý).

11. Biện pháp tư pháp: Tụy thu số tiền 5.000.000đ của bị cáo Th và 3000.000đ của bị cáo H để sung ngân sách Nhà nước.

Vật chứng được bàn giao tại biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Hà Giang và cơ quan Thi hành án dân sự TP Hà Giang ngày 18/8/2022.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo C, P, Th, T, T, H, T được miễn án phí. Buộc các bị cáo H, H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ, án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Hà Giang;
- Viện Kiểm sát ND tỉnh Hà Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Viện kiểm sát TP. Hà Gang;
- Công an TP.Hà Giang;
- Nhà tạm giữ - Công an TP.Hà Giang;
- UBND xã N, H V, HG;
- C.C Thi hành án Dân sự;
- Bộ Chỉ huy QS Tỉnh Hà Giang;
- Các Bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Bình